

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGHIÊN CỨU CẤU TRÚC THỂ LOẠI DIỄN NGÔN CỦA PHẦN MỞ ĐẦU TRONG LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ TẠI VIỆT NAM LƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Bài viết nghiên cứu về cấu trúc thể loại của phần *Mở đầu* trong luận văn thạc sĩ ngành kinh tế tại Việt Nam cũng như các phương pháp tiếp cận dựa trên thể loại nhằm xác định các bước (moves) và động tác (steps) tu từ được sử dụng. Việc phân tích được thực hiện trên cơ sở dữ liệu của 30 luận văn thạc sĩ, sử dụng phương pháp phân tích thể loại dựa theo khung phân tích CARS (creat a research space; thiết kế không gian nghiên cứu) cải tiến của Bunton (2002). Kết quả cho thấy các học viên cao học tuân thủ đầy đủ ba hành động trong cấu trúc thể loại của phần *Mở đầu*. Tuy nhiên, vẫn còn một số bước bị bỏ qua như: Nêu định nghĩa các khái niệm liên quan; Sản phẩm nghiên cứu/ Mô hình đề xuất và Kết quả nghiên cứu. Từ kết quả thu được, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học như luận văn, luận án và hướng tới mục tiêu cao hơn là có các công bố quốc tế có chất lượng cao.

TỪ KHÓA: dựa trên thể loại; phần Giới thiệu; khung phân tích; đào tạo sau đại học; khuyến nghị.
NHẬN BÀI: 05/03/2024. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 09/05/2024

1. Đặt vấn đề

Đối với học viên cao học, thực hiện luận văn thạc sĩ (LV) là một nhiệm vụ đầy thử thách bởi đây không những là một thể loại văn bản học thuật (academic writing) đòi hỏi người viết phải đáp ứng được một số quy chuẩn về ngôn ngữ hàn lâm và độ dài văn bản [Thompson, 2012] mà nó hiện còn *“ít được tổ chức giảng dạy, rèn luyện một cách bài bản như một môn học bắt buộc cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh ở Việt Nam”* [Lâm Quang Đông, 2017]. Về cơ bản, phần chính văn của LV gồm có các cấu phần cơ bản: *Mở đầu/ Giới thiệu*, *Cơ sở lý thuyết/ lý luận* (hay còn gọi là *Lược khảo tài liệu*, *Tổng quan nghiên cứu*), *Phương pháp nghiên cứu*, *Kết quả và Thảo luận*. Trong đó, phần *Mở đầu* (*Giới thiệu*) đóng vai trò quan trọng đối với chất lượng của nghiên cứu nói chung và thực hiện chức năng giao tiếp của mình [Fitriati et al, 2020] là cung cấp các thông tin về lĩnh vực nghiên cứu (*Establishing a Territory*), khoảng trống nghiên cứu (*Establishing a Niche*) và tổng quan về nghiên cứu hiện tại (*Presenting the Present Work*) với các hành động (moves) và các bước (steps) cụ thể [Swales, 2004]. Như vậy, khi thực hiện LV, nếu được trang bị các kiến thức về cấu trúc thể loại của phần *Mở đầu/ Giới thiệu* thì học viên Cao học sẽ có thể viết được phần *Mở đầu* của LV một cách chuẩn mực, áp dụng được các quy ước tu từ trong cộng đồng diễn ngôn của họ [Hüttner, Smit, & Mehlmauer-Larcher, 2009]. Việc có được kiến thức đầy đủ về thể loại học thuật cụ thể này sẽ mang lại cho họ cơ hội nhận được tài trợ nghiên cứu và thăng tiến nghề nghiệp [Swales, 2004].

Khái niệm nền tảng về phân tích thể loại (genre-based analysis) hoặc phân tích hành động (moves analysis) của Swales (1990, 2004) đã khơi nguồn cảm hứng cho rất nhiều nghiên cứu về diễn ngôn học thuật bằng văn bản và phân tích thể loại như cấu trúc thể loại của các bài báo khoa học, các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ ngôn ngữ bằng tiếng Anh và một số thể loại văn bản khác. Một số ví dụ tiêu biểu các nghiên cứu về cấu trúc thể loại các bài báo khoa học như: Saeew & Tangkiengsirisin (2014); Suntara & Usaha, (2013) nghiên cứu về phần Tóm tắt nghiên cứu (abstracts) hay Kanoksilapatham (2015); Hirano (2009) và Ozturk, (2007) nghiên cứu về các phần khác của bài báo nghiên cứu. Gần đây nhất có Loan (2023) nghiên cứu về đối chiếu cấu trúc thể loại diễn ngôn của các bài báo khoa học mảng kinh tế dựa trên các ngữ liệu bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Bên cạnh đó, cấu trúc thể loại diễn ngôn (rhetorical structure) của các chương trong luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ cũng đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả như: Bunton (2002), Dong (1998), Dudley & Evans (1986), Kwan (2006), Nguyen & Pramoolsook (2014), Manan & Noor (2014),

*Trường Đại học Thương mại; Email: phuong.ltm@tmu.edu.vn

Shirani & Chalak (2016), Thompson, (2005), Wuttisrisiriporn (2017), Pujiyanti & Arono (2018). Những nghiên cứu này đã xem xét các chương khác nhau của luận văn và luận án trong các lĩnh vực khác nhau, sử dụng các phương pháp tiếp cận dựa trên thể loại nhằm xác định các bước (moves) và động tác (steps) tu từ được sử dụng. Tuy nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu về cấu trúc thể loại của LV thạc sĩ này đều thiên về nghiên cứu các phần Mở đầu được viết bởi người bản xứ hoặc được đào tạo về tiếng Anh mà chưa có công trình nào nghiên cứu về cấu trúc thể loại của phần Mở đầu của các LV thạc sĩ ngành kinh tế.

Với các lí do nêu trên, tác giả thực hiện nghiên cứu này nhằm tìm hiểu cấu trúc thể loại ở LV thạc sĩ ngành kinh tế tại Việt Nam, từ đó đưa ra các đề xuất để nâng cao chất lượng phần Mở đầu/ Giới thiệu nói riêng và toàn văn của LV nói chung nhằm mục đích cải thiện khả năng viết văn bản học thuật cho HVCH.

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm hiểu câu trả lời cho ba câu hỏi là: 1/Cấu trúc thể loại của phần Mở đầu trong LV thạc sĩ ngành Kinh tế tại Việt Nam có đặc điểm như thế nào?; 2/Các hành động và các bước nào là bắt buộc, điển hình, hay tùy ý được tìm thấy trong phần Mở đầu của các LV thạc sĩ ngành Kinh tế tại Việt Nam?; 3/Những lí do giải thích cho mức độ tuân thủ/ không tuân thủ cấu trúc thể loại trong phần Mở đầu của các LV thạc sĩ là gì?

2. Cơ sở lí luận

Theo Bhatia (2006), cấu trúc thể loại (rhetorical structure) là một vấn đề nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ trong bối cảnh học thuật hoặc nghề nghiệp và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phân tích văn bản. Trong đó, mỗi thể loại sẽ có đặc trưng riêng về cấu trúc với cách bố trí thông tin trong chính thể văn bản có sự tương quan chặt chẽ giữa các đoạn văn bản thành phần [Mann & Thompson, 1987]. Các cách bố trí cấu trúc thông tin như trên được gọi là các hành động (moves) và các bước (steps) [Swales, 2004]. Swales (1990, 2004) là người đặt nền móng cho phân tích thể loại hay còn gọi là phân tích hành động. Kể từ đó, các nghiên cứu về diễn ngôn viết học thuật (written academic discourse) và phân tích thể loại ngày càng nở rộ. Các nghiên cứu trước đây về cấu trúc thể loại của các phần trong luận văn thạc sĩ có thể kể đến như phần *Mở đầu* [Bunton, 2002; Samraj, 2008; Cheung, 2012], Tổng quan nghiên cứu [Kwan, 2006], và phần Thảo luận [Hopkins & Dudley-Evans, 1988; Rasmeenin, 2006; Salmani Nodoushan, 2012].

Là học giả tiên phong đưa ra mô hình CARS (Create a Research Space), Swales (1981) xác lập ba hành động cho phần *Mở đầu* bao gồm: 1/thiết lập phạm vi nghiên cứu; 2/xác lập khoảng trống nghiên cứu; 3/lấp đầy khoảng trống nghiên cứu. Mỗi hành động bao gồm các bước nhằm hiện thực hóa các mục đích giao tiếp của văn bản. Sau đó, Bunton (2002) đã hoàn thiện mô hình phân tích của Swales bằng cách phân biệt và thêm 10 bước mới vào mô hình CARS. (Xem Bảng 1. Khung CARS cải tiến phân tích phần *Mở đầu*).

Dựa trên mô hình của Bunton (2002), nghiên cứu xem xét mức độ tuân thủ của 30 LV với cấu trúc chuẩn của phần *Mở đầu*. Với các minh chứng thu được từ ngữ liệu, nghiên cứu sẽ đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết về cấu trúc thể loại phần *Mở đầu* nói riêng và cấu trúc của toàn LV thạc sĩ nói chung.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thu thập ngữ liệu

Ngữ liệu của nghiên cứu bao gồm 30 phần *Mở đầu* trích từ 30 LV thạc sĩ của cao học viên tại một số trường đại học lớn tại Việt Nam trong hai năm 2022 và 2023. Tác giả đã thực hiện phân loại các hành động - các bước trong các phần *Mở đầu* này để phân biệt xem các hành động và các bước này có đủ tiêu chuẩn để được coi là *bắt buộc*, *điển hình* hay *tùy ý* hay không dựa trên các tiêu chí do Kanoksilapatham (2005) đề xuất. Theo đó, mức độ xuất hiện của các hành động và các bước theo ba cấp độ trên như sau: 1/bắt buộc (xuất hiện 100%); 2/điển hình (xuất hiện 60 - 99%); 3/tùy ý (xuất hiện ít hơn 60%).

30 phần *Mở đầu* này được mã hóa từ MTV1 đến MTV30. Vì lí do đạo đức trong nghiên cứu, tiêu đề của LV và danh tính của HVCH thực hiện LV không được công khai trong bài viết này. Ngoài ra, chúng tôi cũng cam kết ngữ liệu chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu và không lan truyền, khai thác thương mại từ các ngữ liệu này.

B4	Lược khảo/Tổng quan các nghiên cứu trước đây	20/30	66.7 %	Điển hình
2	Xác lập khoảng trống nghiên cứu	30/30	100 %	Bắt buộc
1A	Chỉ ra khoảng trống nghiên cứu	12/30	40 %	Tùy ý
1B	Chỉ ra vấn đề hoặc nhu cầu nghiên cứu	24/30	80 %	Điển hình
1C	Nêu lên vấn đề còn tồn tại trong các NC trước đây	4/30	13 %	Tùy ý
1D	Tiếp nối mạch nghiên cứu	4/30	13 %	Tùy ý
3	Lấp đầy khoảng trống nghiên cứu	30/30	100 %	Bắt buộc
B1	Lý do, Mục đích, và Mục tiêu nghiên cứu	29/30	96.7%	Điển hình
B2	Câu hỏi nghiên cứu	18/30	60 %	Điển hình
B3	Phương pháp nghiên cứu/Thiết kế NC	29/30	96.7%	Điển hình
B4	Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	29/30	96.7%	Điển hình
B5	Kết quả nghiên cứu	0/30	0 %	Điển hình
B6	Sản phẩm nghiên cứu/Mô hình đề xuất	0/30	0 %	Điển hình
B7	Ý nghĩa nghiên cứu/ Đóng góp của đề tài	23/30	76.7%	Điển hình
B8	Cấu trúc/Kết cấu của luận văn (Bố cục đề tài)	27/30	90 %	Điển hình
	Nội dung nghiên cứu (= với cấu trúc/mục tiêu NC)	6/30	20 %	Tùy ý
	Tóm tắt chương 1	1/30	3.3%	Tùy ý

**Bắt buộc (xuất hiện 100%). Điển hình (xuất hiện 60 – 99%) . Tùy ý (xuất hiện ít hơn 60%)*

Bảng 2 cho thấy, trong tất cả các luận văn thạc sĩ kinh tế tiếng Việt đều có tần suất xuất hiện của cả 3 hành động đạt 100%. Điều đó có nghĩa là, các hành động này đều mang tính bắt buộc phải có trong mỗi luận văn này.

Hành động 1 (H1) “Thiết lập phạm vi nghiên cứu” được thực hiện với bốn bước, bao gồm: Khẳng định tầm quan trọng (của đề tài nghiên cứu), khái quát hóa chủ đề/ cung cấp ngữ cảnh, nêu định nghĩa các thuật ngữ liên quan, và lược khảo/ Tổng quan các nghiên cứu trước đây xuất hiện với tần suất lần lượt là: 80%, 90%, 0% và 66,7%. Trong đó, bước “Nêu định nghĩa các thuật ngữ liên quan” hoàn toàn không xuất hiện trong các LV thạc sĩ kinh tế bằng tiếng Việt.

Trong bốn bước của hành động 2 (H2) “Xác lập khoảng trống nghiên cứu” thì chỉ có bước 2 (Chỉ ra vấn đề hoặc nhu cầu nghiên cứu) là đạt mức điển hình cao, chiếm 80% tần suất xuất hiện, còn ba bước còn lại chỉ đạt mức điển hình thấp với tần suất xuất hiện lần lượt là 40% (Chỉ ra khoảng trống nghiên cứu) và 13% (Nêu lên vấn đề còn tồn tại trong các NC trước đây và Tiếp nối mạch nghiên cứu). Hành động 3 “Lấp đầy khoảng trống nghiên cứu” là hành động quan trọng nhất trong phần Mở đầu/Giới thiệu của bất kì luận văn nào với 8 bước theo khung CARS cải tiến của Bunton (2002) và xuất hiện thêm hai bước mới là Nội dung nghiên cứu (tần suất xuất hiện 20%) và Tóm tắt chương 1 (MTV09) (chiếm tỉ lệ là 3,3%), đạt mức tùy ý. Hành động 3 thiếu vắng sự xuất hiện của các bước B5 và B6. Điều này có thể có nguyên nhân là trong Quy định/ Hướng dẫn cách viết và trình bày Luận văn thạc sĩ không yêu cầu hai bước này mà hai bước này thường được khuyến khích trong Luận án Tiến sĩ. Các bước B1, B3, B4 và B8 đều có tần suất xuất hiện cao, chiếm tỉ lệ từ 90%-96,7%, đạt mức điển hình cao. Trong khi đó, bước B2 về “câu hỏi nghiên cứu” thì chỉ chiếm tỉ lệ điển hình thấp, đạt 60% mà thôi.

Các ví dụ sau đây sẽ minh họa cho kết quả này:

Ví dụ 1:

“(H1-B1- Khẳng định tầm quan trọng) Việc tích hợp CNTT vào các dịch vụ NHĐT để nâng cao năng lực cạnh tranh là một thực tế tất yếu của thời đại ngày nay. Để duy trì lợi thế thị trường, các

NHTM luôn nỗ lực cải tiến và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao nhất. Xu hướng khách hàng (KH) sử dụng hình thức thanh toán không sử dụng tiền mặt đã trở nên phổ biến và nhanh chóng trở thành thông lệ tiêu chuẩn. Vì vậy, (H1-B2- *Khái quát hóa chủ đề/cung cấp ngữ cảnh*) việc các NHTM phát triển dịch vụ NHĐT *sẽ giúp đơn giản hóa* quy trình giao dịch, giảm gánh nặng cho các nhân viên NHTM, *mang lại* nhiều tiện ích cho KH, tiết kiệm thời gian và chi phí cho các đối tượng sử dụng dịch vụ,...

Việc nâng cao chất lượng dịch vụ (CLDV) NHĐT thông qua sự hài lòng của KH đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và điều hành ngân hàng trong nước và quốc tế. (H2-1A- *Chỉ ra khoảng trống nghiên cứu*) Có nhiều ý kiến, chỉ số đánh giá CLDV NHĐT nhưng chưa đạt được sự đồng thuận. Vì vậy, (H2-1B- *Chỉ ra vấn đề hoặc nhu cầu nghiên cứu*) cần thiết lập thang đo để đo lường chất lượng tổng thể của dịch vụ NHTM điện tử và sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHĐT, đặc biệt đối với các loại hình ngân hàng và người tiêu dùng...

(H3-B2) *Câu hỏi nghiên cứu*: Cách thức đo lường sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHĐT tại Agribank? Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHĐT tại Agribank? Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHĐT tại Agribank là như thế nào? Những giải pháp nào phù hợp với Agribank để nâng cao sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHĐT tại Agribank?

(H3-B1) *Mục tiêu nghiên cứu*:

- Mục tiêu nghiên cứu chung: Mục tiêu chung là xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)... đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ... đối với các khách hàng cá nhân.

- Mục tiêu nghiên cứu cụ thể: Thể hiện và hệ thống lại lí luận cơ sở nền tảng và các nguyên cứu về sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHĐT và các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử. Xác định được mức độ tác động của các nhân tố nguyên cứu ảnh hưởng đến sự hài lòng của KH cá nhân về chất lượng dịch vụ NHĐT của Agribank. Đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ NHĐT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đối với các khách hàng cá nhân.

(H3-B4) *Đối tượng và phạm vi nghiên cứu*:

- Đối tượng nghiên cứu: ... là các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của KH cá nhân về chất lượng dịch vụ NHĐT tại Agribank.

- Phạm vi nghiên cứu: ...

Về không gian: Đề tài được nghiên cứu tại Agribank.

Về thời gian:

Đề tài được nghiên cứu với số liệu thứ cấp từ năm 2020-2022, thu thập từ các tài liệu của ngân hàng Agribank, số liệu trên báo cáo tài chính của ngân hàng Agribank, số liệu thu thập trên báo, website của ngân hàng.

Bên cạnh đó, đề tài tiến hành thu thập số liệu sơ cấp từ tháng 07/2023 đến tháng 08/2023.

Về nội dung: Nghiên cứu tập trung vào các KH sau khi sử dụng dịch vụ NHĐT của Agribank.

(H3-B3) *Phương pháp nghiên cứu*:

- Nghiên cứu định tính: được tiến hành thông qua thu thập thông tin, cơ sở lí thuyết từ nhiều nguồn khác nhau như các bài báo cáo, các đề tài nghiên cứu, giáo trình và các tài liệu khác có liên quan.... phân tích tổng hợp lí thuyết, phân loại hệ thống hóa và khái quát hóa lí thuyết từ đó rút ra các kết luận khoa học là cơ sở lí luận cho đề tài... Nghiên cứu này được thực hiện bằng cách khảo sát trực tiếp để thu thập dữ liệu khảo sát. Đối tượng nghiên cứu là các KH của ngân hàng Agribank. Đây là những KH cá nhân đã sử dụng dịch vụ NHĐT của Agribank, và dựa vào đó tác giả khảo sát về sự hài lòng của KH cá nhân về CLDV NHĐT của Agribank.

- Nghiên cứu định lượng: Dữ liệu thu thập từ cuộc khảo sát sẽ được mã hóa, làm sạch và xử lí bằng ứng dụng phân tích thống kê SPSS. Đồng thời, đề tài đã tận dụng các công cụ phân tích thống kê mô tả, kiểm định tính tin cậy, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và hồi quy để kiểm tra mô hình và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu đã được đưa ra.

(H3-B8) *Kết cấu của đề tài:*

Đề tài gồm có 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và tổng quan tình hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHDT

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Kết quả nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của KH cá nhân khi sử dụng dịch vụ NHDT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Chương 4: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ NHDT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đối với các khách hàng cá nhân.” (MTV30)

Ở ví dụ trên, Luận văn thạc sĩ này tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân khi sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank). Phần *Mở đầu/ Giới thiệu* đã đề cập đến toàn bộ ba hành động. Tuy nhiên, hành động 1 thiếu mất bước B3 “Nêu định nghĩa các thuật ngữ liên quan” và bước B4 “Lược khảo/ Tổng quan các nghiên cứu trước đây”. Hành động 2 thiếu bước “Nêu lên vấn đề còn tồn tại trong các NC trước đây” và bước “Tiếp nối mạch nghiên cứu”. Hành động 3 có sự thay đổi về trật tự các bước theo mô hình của Bunton (2002), trong đó bước B2 “Câu hỏi nghiên cứu” được đặt lên trước bước “Mục tiêu nghiên cứu”, bước B4 “Đối tượng và phạm vi nghiên cứu” được đặt lên trước bước B3 “Phương pháp nghiên cứu”. Các bước còn lại như bước B5 “Kết quả nghiên cứu”, B6 “Sản phẩm nghiên cứu/ Mô hình đề xuất”, và B7 “Ý nghĩa nghiên cứu/ Đóng góp của đề tài” đã không được đề cập đến trong phần *Mở đầu* của LV. Từ phân tích trên có thể thấy tác giả Luận văn đã chưa chú trọng tới một số bước cũng như trật tự các bước trong ba hành động.

Ví dụ 2 (MTV07):

“(H1-B1- *Khẳng định tầm quan trọng*) Thị trường BĐS đóng vai trò quan trọng và không thể tách rời của nền kinh tế thị trường, ngày càng nâng cao vị thế là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, tạo nên cơ chế khách quan bảo đảm cho BĐS có thể được sử dụng một cách hiệu quả nhất. (H1-B2- *Khái quát hóa chủ đề/cung cấp ngữ cảnh*) Thị trường BĐS chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, không chỉ của quốc gia mà còn những yếu tố quốc tế...”

Tính cấp thiết của đề tài:

...(H2-1B- *Chỉ ra vấn đề hoặc nhu cầu nghiên cứu*) Để đánh giá việc thực hiện pháp luật kinh doanh nhà ở HTTTL trên thị trường kinh doanh BĐS của tỉnh Tiền Giang thời gian qua, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện pháp luật kinh doanh nhà ở HTTTL từ thực tiễn, làm cơ sở đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhà ở HTTTL tại tỉnh Tiền Giang, học viên đã lựa chọn đề tài “PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI TỪ THỰC TIỄN TỈNH TIỀN GIANG” để làm luận văn thạc sĩ.

(H3-B1) *Mục tiêu nghiên cứu:*

Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu chung của Luận văn nhằm làm rõ những vấn đề lý luận về kinh doanh nhà ở HTTTL và pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL, từ đó, *phân tích* thực trạng thực hiện pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại; trên cơ sở đó *xây dựng* hệ thống giải pháp góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý kinh doanh BĐS nói chung và kinh doanh BĐS đối với nhà ở HTTTL nói riêng từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể: Đề tài xác định các mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau:

- *Nghiên cứu* các vấn đề lý luận về tài sản HTTTL và quy định pháp luật kinh doanh BĐS về nhà ở HTTTL;

Rà soát các quy định pháp luật về kinh doanh BĐS là nhà ở HTTTL. *Đánh giá* thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về kinh doanh nhà ở HTTTL; nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL tại địa bàn tỉnh Tiền Giang, *xác định* được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật và nguyên nhân của các khó khăn vướng mắc.

- *Rà soát* các quy định pháp luật về kinh doanh BĐS là nhà ở HTTTL. *Đánh giá* thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về kinh doanh nhà ở HTTTL; nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh địa nhà ở HTTTL tại bàn tỉnh Tiền Giang, *xác định* được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật và nguyên nhân của các khó khăn vướng mắc.

- *Rà soát* các quy định pháp luật về kinh doanh BĐS là nhà ở HTTTL. *Đánh giá* thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về kinh doanh nhà ở HTTTL; nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL tại địa bàn tỉnh Tiền Giang, *xác định* được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật và nguyên nhân của các khó khăn vướng mắc.

(H3-B2) *Câu hỏi nghiên cứu*: Đề tài đặt ra các câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Pháp luật kinh doanh BĐS quy định về nhà ở HTTTL như thế nào? Nội dung quy định pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL?

2. Pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL đã được thực hiện như thế nào tại tỉnh Tiền Giang? Có kết quả gì đạt được và bộc lộ những hạn chế, bất cập ra sao?

3. Giải pháp, kiến nghị nào để hoàn thiện pháp luật kinh doanh BĐS cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật kinh doanh BĐS đối với nhà ở HTTTL từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang?

(H3-B4) *Đối tượng và phạm vi nghiên cứu*:

Đối tượng nghiên cứu: Quy định pháp luật về kinh doanh BĐS đối với nhà ở HTTTL và thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Không gian nghiên cứu: Các dự án nhà ở kinh doanh BĐS HTTTL tại tỉnh Tiền Giang

Thời gian nghiên cứu: Giai đoạn 2016-2020.

(H3-B3) *Phương pháp nghiên cứu*:

1. Phương pháp luận: Đề giải quyết được vấn đề đặt ra thì luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; đường lối, chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối, chính sách phát triển nền kinh tế thị trường của Chính phủ.

2. Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau: - Phương pháp so sánh và phương pháp tổng hợp: Đề tài sử dụng các phương pháp này nhằm hệ thống dữ liệu nghiên cứu từ các công trình nghiên cứu, các đề tài NCKH các cấp, báo cáo, đề án, bài báo của các tác giả trong và ngoài nước liên quan... - Phương pháp phân tích: được sử dụng chủ yếu trong chương 1 và chương 2 của luận văn,... Phương pháp so sánh: được sử dụng... nhằm đánh giá quy định pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL qua các giai đoạn với pháp luật hiện hành, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, những bất cập còn tồn tại trong các quy định của pháp luật. Phương pháp tổng hợp, phương pháp quy nạp được sử dụng chủ yếu trong mục phân tích thực trạng tại Chương 2, hệ thống hóa các tài liệu số liệu quản lý hoạt động kinh doanh nhà ở HTTTL của các cơ quan quản lý nhà nước tại tỉnh Tiền Giang nhằm làm sáng tỏ thực trạng áp dụng pháp luật về kinh doanh nhà ở HTTTL tại đây. Phương pháp này cũng được sử dụng trong Chương 3 nhằm rút ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật trên cơ sở đánh giá thực trạng của Chương 2.

(H3-B9) *Nội dung nghiên cứu*: Các nội dung nghiên cứu cơ bản của đề tài là:

Chương 1 của luận văn khái quát những vấn đề chung về kinh doanh BĐS đối với các nhà ở HTTTL. Ở nội dung này, luận văn triển khai phân tích khái niệm, đặc điểm của BĐS HTTTL; khái niệm, đặc điểm hoạt động kinh doanh BĐS với nhà ở HTTTL cũng như phân loại kinh doanh BĐS đối với các nhà ở HTTTL. Luận văn cũng làm rõ vai trò của hoạt động kinh doanh nhà ở HTTTL với người dân, với công tác quản lý nhà nước và với thị trường BĐS.

Chương 2 của luận văn trình bày thực trạng quy định pháp luật kinh doanh BĐS đối với nhà ở HTTTL theo pháp luật hiện hành. Từ đó, phân tích thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật kinh doanh BĐS với nhà ở HTTTL tại tỉnh Tiền Giang theo các nội dung: chủ thể kinh doanh, điều kiện nhà ở đưa vào kinh doanh; điều kiện nhà ở HTTTL và thực tiễn các giao dịch nhà ở HTTTL tại các dự án này. Cuối cùng, Chương 2 có những đánh giá hết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc áp dụng quy định pháp luật kinh doanh BĐS với các nhà ở HTTTL tại tỉnh Tiền Giang.

Chương 3 của luận văn đưa ra bối cảnh, một số dự báo tình hình thị trường BDS thời gian tới và đưa ra một số kiến nghị cũng như giải pháp hoàn thiện pháp luật kinh doanh nhà ở HTTTL trong thời gian tới.

(H3-B7) Đóng góp của đề tài:

Về lí luận: Đề tài là công trình khoa học có tính chất hệ thống và chuyên sâu những vấn đề lí luận liên quan đến pháp luật kinh doanh BDS đối với các nhà ở BDS HTTTL. Làm rõ khái niệm nhà ở BDS HTTTL, pháp luật kinh doanh BDS với nhà ở BDS HTTTL và đặc điểm của nó. Các kết quả nghiên cứu về lí luận của đề tài góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lí và những nội dung lí thuyết liên quan đến pháp luật kinh doanh BDS nói chung và với các nhà ở BDS HTTTL nói riêng.

Về thực tiễn: luận văn là công trình khoa học có tính thực tiễn bởi chưa có nghiên cứu nào đề cập, phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật kinh doanh BDS đối với các nhà ở BDS HTTTL tại tỉnh Tiền Giang. Kết quả nghiên cứu của đề tài có tính chất tham khảo cho các nhà quản lí, các doanh nghiệp kinh doanh BDS đang đầu tư tại thị trường BDS tỉnh Tiền Giang cũng như là tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, sinh viên quan tâm đến nội dung này.

(H1-B4) Tổng quan về lĩnh vực nghiên cứu:

Pháp luật kinh doanh BDS đã được Quốc hội thông qua năm 2014, trải qua hơn 5 năm thực hiện, với vai trò quan trọng của thị trường BDS với nền kinh tế, đã có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến đề tài này. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: ... Tác giả Huỳnh Thanh Tú (2018) ... Tác giả Nguyễn Ngọc Huy (2020)..., Tác giả Hoàng Văn Thìn (2016)... Qua khảo cứu những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài cho thấy, vấn đề kinh doanh nhà ở HTTTL đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ: pháp luật chung, hợp đồng mua bán, bảo lãnh, thế chấp, chuyển nhượng hay nghiên cứu trên địa bàn nhất định như tỉnh Thừa Thiên Huế. Một số nghiên cứu cũng đã làm rõ khái niệm tài sản HTTTL, nhà ở HTTTL tuy nhiên chưa đầy đủ, rất cần có công trình nghiên cứu toàn diện về vấn đề kinh doanh nhà ở BDS HTTTL. Bên cạnh đó, địa bàn nghiên cứu là tỉnh Tiền Giang cũng chưa được triển khai nghiên cứu. Chính vì vậy, không gian nghiên cứu của đề tài là rất rộng rãi, đảm bảo tính khoa học của một đề tài luận văn thạc sĩ.

(H3-B8) Cấu trúc luận văn: Ngoài Mở đầu, Kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu bởi 3 chương chính:

Chương 1: Những vấn đề lí luận chung về pháp luật kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai tại tỉnh Tiền Giang

Chương 3: Các kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật kinh doanh nhà ở hình thành trong tương lai tại tỉnh Tiền Giang.” (MTV07)

Ở ví dụ thứ 2 này, bước 4 của hành động 1 “Lược khảo/Tổng quan các nghiên cứu trước đây” lại được đặt ở gần cuối phần Mở đầu. Hành động 2 ngoài bước 1B “Chỉ ra vấn đề hoặc nhu cầu nghiên cứu” thì hoàn toàn thiếu vắng ba bước còn lại. Hành động 3 có sự xuất hiện của bước “Nội dung nghiên cứu”, bước này được thể hiện khá giống sự kết hợp của bước B1 “Mục tiêu nghiên cứu” và bước B8 “Cấu trúc/ Kết cấu của luận văn (Bố cục đề tài)”. Hai bước B5 “Kết quả nghiên cứu”, B6 “Sản phẩm nghiên cứu/ Mô hình đề xuất” cũng không xuất hiện trong phần Mở đầu LV này cũng như không xuất hiện trong bất kì phần Mở đầu nào trong số 30 LV thạc sĩ được chọn.

Việc thiếu vắng các bước “Nêu định nghĩa các thuật ngữ liên quan”, “Kết quả nghiên cứu”, và “Sản phẩm nghiên cứu/ Mô hình đề xuất” cũng là một trong các điểm yếu của luận văn thạc sĩ, được viết bởi các nhà nghiên cứu còn thiếu kinh nghiệm (novice researchers). Ngoài ra, bước “Lược khảo các nghiên cứu trước” cũng chỉ đạt 60% tần suất xuất hiện trong các phần Mở đầu, ở mức điển hình thấp. Các tác giả LV thạc sĩ đã bỏ qua việc cung cấp định nghĩa cho một số khái niệm liên quan đến đề tài ở phần Mở đầu và đưa vào trong phần Tổng quan lí thuyết. Điều này sẽ gây khó khăn cho độc giả không có chuyên môn nếu đọc các công trình nghiên cứu này cũng như thiếu sự nhất quán và rõ ràng trong việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành. Các bước “Kết quả nghiên cứu” và “Mô hình nghiên cứu đề xuất” không được chỉ rõ và có vẻ như thường được tích hợp vào trong phần Đặt vấn đề và Phương pháp nghiên cứu. Nguyên nhân của những sự thiếu sót này là do người Việt thường phát biểu ý kiến dựa trên cảm tính cá nhân, chưa hình thành thói quen lí luận dựa trên chứng cứ khoa học

(Nguyen, 2019) hoặc có thể do không bắt buộc phải đề cập đến các bước này trong LV thạc sĩ. Các bước này thường gặp trong yêu cầu viết luận án tiến sĩ, một công trình khoa học cấp cao hơn, đòi hỏi nhiều kinh nghiệm và sự tự chủ nghiên cứu hơn.

Bước B7 “Ý nghĩa nghiên cứu/ Đóng góp của đề tài” và bước B8 “Cấu trúc/ Kết cấu của luận văn (Bổ cục đề tài)” có tính điển hình cao và thể hiện được tầm quan trọng của nghiên cứu (LV). Hai bước này thường xuất hiện ở phần cuối của phần Mở đầu trong các luận văn, lần lượt chiếm 76.7% và 90% số mẫu LV nghiên cứu. Các kết quả này cũng tương đồng với kết quả khảo sát của Nguyễn và Pramoolsook (2014) cũng như kết quả nghiên cứu của Soler-Monreal, Carbonell-Olivares và Gil-Salom (2011).

Trong số các LV thạc sĩ, có sự xuất hiện 01 lần của bước “Tóm tắt chương” (chiếm 3,3% tần suất xuất hiện), một trong hai bước mới so với mô hình các bước của Bunton (2002). Bước này thường được đặt ở cuối cùng của phần Mở đầu của LV thạc sĩ, tóm tắt lại những nội dung chính của phần này. Đây cũng là bước Tùy ý trong phần Mở đầu và tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn và Pramoolsook (2014). Cheung (2013) cũng phát hiện rằng khóa luận của một số sinh viên Singapore trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng và giáo dục thể chất cũng sử dụng bước “Tóm tắt” này trong hành động 3 của phần Mở đầu.

Kết quả từ các ví dụ trên cũng như trong số các phần Mở đầu còn lại, có thể nhận thấy rằng mẫu cấu trúc điển hình của phần Mở đầu của các LV thạc sĩ kinh tế được thể hiện như sau:

H1(B1,2,4) – **H2**(1A, 1B điển hình cao; 1C-1D tùy ý) – **H3**(B1, B2, B3, B4, B7, B8 điển hình cao, B9, B10 tùy ý).

Nói cách khác, cấu trúc phần Mở đầu rút ra từ ngữ liệu trong nghiên cứu này tuân thủ khá chặt chẽ theo mô hình của Bunton (2002): Khẳng định tầm quan trọng - Khái quát hóa chủ đề, cung cấp ngữ cảnh - Lược khảo/ Tổng quan các nghiên cứu trước đây - Chỉ ra khoảng trống nghiên cứu - Chỉ ra vấn đề hoặc nhu cầu nghiên cứu - Mục tiêu nghiên cứu - Câu hỏi nghiên cứu - Phương pháp nghiên cứu/ Thiết kế NC - Đối tượng và phạm vi nghiên cứu - Ý nghĩa nghiên cứu/ Đóng góp của đề tài - Cấu trúc/ Kết cấu của luận văn (Bổ cục đề tài).

5. Kết luận

Bài viết này tìm hiểu cấu trúc thể loại diễn ngôn của phần Mở đầu trong LV thạc sĩ ngành kinh tế tại Việt Nam, áp dụng khung phân tích cải tiến CARS của Bunton (2002). Kết quả thu được là 100% các LV đều áp dụng cấu trúc ba hành động mà Bunton (2002) giới thiệu, trong đó Hành động 1 “Thiết lập phạm vi nghiên cứu” và Hành động 2 “Xác lập khoảng trống nghiên cứu” thường được đi kèm với nhau chứ không tách biệt như Hành động 3 “Lấp đầy khoảng trống nghiên cứu”. Một số bước như “ngữ cảnh nghiên cứu”, “nêu khái niệm liên quan”, “những vấn đề tồn tại trong các nghiên cứu đi trước”, “kết quả nghiên cứu” hay “mô hình nghiên cứu” đề xuất thường bị coi là tùy ý hoặc bỏ qua hoàn toàn. Đây cũng là một thói quen khi viết mà qua đó phản ánh những ảnh hưởng của nền văn hóa [Mauranen, 1993].

Từ những kết quả thu được như trên, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao kỹ năng viết nghiên cứu khoa học của cao học viên, nghiên cứu sinh tại các trường Đại học và các cơ sở giáo dục đại học khác có bối cảnh tương đồng. Nên có những workshop hoặc seminar về Phương pháp nghiên cứu, trong đó có lồng ghép nội dung cấu trúc thể loại [Phạm Thị Tố Loan, 2023], như các hành động và các bước cần thiết cho một chương Mở đầu cũng như các thuật ngữ, từ khóa quan trọng để họ có thể thuận tiện sử dụng, tham chiếu. Điều này xuất phát từ thực tế là rất nhiều học viên cao học cảm thấy rất khó để viết luận án của mình [Dong, 1998]. Chương Mở đầu là phần cụ thể mà các cao học viên, nghiên cứu sinh thể hiện kỹ năng viết, ý tưởng có sự logic và những đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu họ đang theo đuổi [Weissberg & Buker, 1990].

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở 30 phần Mở đầu của 30 LV thạc sĩ nên vẫn còn nhiều hạn chế như chưa thể khái quát toàn bộ các phát hiện trong kết quả nghiên cứu mà vẫn cần được nghiên cứu kỹ hơn với nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Một số hướng nghiên cứu gợi ý như phần Tóm tắt luận văn, phần Tổng quan nghiên cứu, v.v. hoặc thậm chí toàn bộ luận văn thạc sĩ, qua đó giúp cho các cao học viên, nghiên cứu sinh có thể nâng cao được chất lượng bài viết nói riêng và các công trình nghiên cứu sau này nói chung, hướng tới các công bố quốc tế có chất lượng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lâm Quang Đông (2017), *Đánh giá ngôn ngữ trong văn bản khoa học tiếng Việt: kết quả bước đầu. Ngôn ngữ và Đời sống*, Tập 261 (7), tr.2.

Tiếng Anh

2. Bhatia, V. K. (2006), *Analyzing genre: Some conceptual issues*. In M. Hewings (Ed.) *Academic writing in context: Implications and applications* (pp.79-92). Birmingham, UK: University of Birmingham Press.
3. Bunton, D. (2002), *Generic Moves in Ph.D. Thesis Introductions*. In Flowerdew, J. (Ed.), *Academic Discourse* (pp. 57-75). Harlow, England: Longman.
4. Cheung, Y. (2012). Understanding the Writing of Thesis Introductions: An Exploratory Study. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 46, 744-749. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2012.05.191>
5. Dudley-Evans, T. (1986), *Genre analysis: An investigation of the introduction and discussion sections of M.Sc. dissertations*. In M. Coulthard (Ed.), *Talking about text* (pp. 128-145). Birmingham: English Language Research, University of Birmingham.
6. Hüttner, J., Smit, U. & Mehlmauer-Larcher, B. (2009), *ESP teacher education at the interface of theory and practice: Introducing a model of mediated corpus-based genre analysis*. *System*, 37, 99–109.
7. Mann, W. C., & Thompson, S. A. (1987), *Rhetorical structure theory: A framework for the analysis of texts*. *IPRA Papers in Pragmatics*, 1(1), 1-22.
8. Nguyen, L. T., & Pramoolsook, I. (2014), *Rhetorical Structure of Introduction Chapters written by Novice Vietnamese TESOL postgraduates*. 3L: The Southeast Asian Journal of English Language Studies, 20(01), 61-74. <https://doi.org/10.17576/3L-2014-2001-05>
9. Samraj, B. (2008), *A Discourse Analysis of Master's Theses across Disciplines with a Focus on Introductions*. *Journal of English for Academic Purposes*, 7, 55-67. <https://doi.org/10.1016/j.jeap.2008.02.005>
10. Soler-Monreal, C., Carbonell-Olivares, M., & Gil-Salom, L. (2011), *A contrastive study of the rhetorical organisation of English and Spanish PhD thesis introductions*. *English for Specific Purposes*, 30(1), 4-17. <https://doi.org/10.1016/j.esp.2010.04.005>
11. Swales, J. (1990), *Genre Analysis: English in Academic and Research Settings*. Cambridge: Cambridge University Press.
12. Swales, J. (2004), *Research Genres: Explorations and applications*. Cambridge, England: Cambridge University Press.
13. Thompson, P. (2012), *Thesis and dissertation writing*. In B. Paltridge & S. Starfield (Eds.), *Handbook of English for specific purposes* (pp. 283 – 300). Hoboken, NJ: Wiley-Blackwell.

Rhetorical structure of introduction sections in master theses in economics in Vietnam

Abstracts: The article studies the rhetorical structure of the introduction parts of master theses in economics in Vietnam and the use of a genre-based approach to identify rhetorical moves and steps. The corpus of the study comprises 30 introductions (of 30 master theses in economics), using Bunton's (2002) modified CARS (Create a Research Space). The findings demonstrate that these MA theses introductions fully comply with the move-step analysis. However, some steps, including "defining terms," "product of research or model proposed," and "findings and results," are out of scope. The article aims to make some recommendations to improve the quality of scientific research, such as master's theses, doctoral dissertations, and high-quality international research articles.

Key words: analytic framework; genre-based; higher education; introductions parts; recommendations.